

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 26/12/2012

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TRIẾT HỌC & CHÍNH TRỊ

PHI 2161

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 4

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	0.6	100%		
(1)	(2)	(3)			1	1	1	1	(10)				
1	1812719005	Lê Tú Anh	N18DLK1	7	7	7	7	7	7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
2	1813719016	Trần Lê Quốc Bảo	N18DLK1	6	0	0	6	6	3.0	0	0.0	Không	Cấm thi
3	1813719019	Nguyễn Cao Cấp	N18DLK1	6	0	0	5	6	2.8	0	0.0	Không	Cấm thi
4	1813719056	Dụng Anh Đức	N18DLK1	7	5	5	7	7	6.0	5	5.5	Năm phẩy Năm	
5	1812719033	Nguyễn Thị Thùy Dung	N18DLK1	8	6	5	6	6	5.8	V	0.0	Không	
6	1812719043	Hoàng Mộng Duyên	N18DLK1	8	6	6	7	7	6.5	5	5.8	Năm phẩy Tám	
7	1812719059	Nguyễn Thị Hương Giang	N18DLK1	7	6	6	6	6	6.0	6	6.1	Sáu phẩy Một	
8	1812719065	Phan Thị Thu Hà	N18DLK1	8	4	6	4	6	5.0	6	5.9	Năm phẩy Chín	
9	1813719061	Đinh Ngọc Hà	N18DLK1	7	6	6	6	7	6.3	5	5.6	Năm phẩy Sáu	
10	1812719067	Nguyễn Đặng Mỹ Hạnh	N18DLK1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
11	1812719076	Nguyễn Thị Kim Hiền	N18DLK1	7	6	7	7	6	6.5	5	5.7	Năm phẩy Bảy	
12	1812719074	Nguyễn Trần Thu Hiền	N18DLK1	8	6	7	7	6	6.5	5	5.8	Năm phẩy Tám	
13	1813719080	Nguyễn Quốc Hiếu	N18DLK1	7	6	7	6	7	6.5	3	0.0	Không	
14	1813719088	Phan Trọng Hoan	N18DLK1	8	5	7	5	7	6.0	5	5.6	Năm phẩy Sáu	
15	1813719096	Bùi Quang Huy	N18DLK1	7	5	7	5	7	6.0	5	5.5	Năm phẩy Năm	
16	1812719103	Trương Thị Như Kha	N18DLK1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
17	1813719107	Hồ Nguyễn Anh Khoa	N18DLK1	6	5	0	0	5	2.5	0	0.0	Không	Cấm thi
18	1813719127	Nguyễn Thành Long	N18DLK1	7	5	5	6	6	5.5	5	5.4	Năm phẩy Bốn	
19	1812719134	Nguyễn Hương Ly	N18DLK1	8	4	5	5	4	4.5	0	0.0	Không	Cấm thi
20	1812719168	Trần Thị Hiền Nhi	N18DLK1	7	7	7	7	7	7.0	5	5.8	Năm phẩy Tám	
21	1813719174	Trương Minh Nhựt	N18DLK1	7	7	6	7	6	6.5	5	5.7	Năm phẩy Bảy	
22	1813719188	Trần Đăng Phúc	N18DLK1	8	6	6	6	6	6.0	5	5.6	Năm phẩy Sáu	
23	1813719190	Dương Tấn Phụng	N18DLK1	8	5	7	5	7	6.0	5	5.6	Năm phẩy Sáu	
24	1813719192	Nguyễn Phước	N18DLK1	6	5	0	5	0	2.5	0	0.0	Không	Cấm thi
25	1812719195	Nguyễn Thị Thanh Phương	N18DLK1	6	0	6	6	0	3.0	0	0.0	Không	Cấm thi
26	1812719204	Nguyễn Thị Như Quyên	N18DLK1	7	5	5	7	7	6.0	V	0.0	Không	
27	1813719208	Phùng Ngọc Quỳnh	N18DLK1	8	6	6	7	7	6.5	5	5.8	Năm phẩy Tám	
28	1812719211	Lê Thị Như Quỳnh	N18DLK1	8	6	7	6	7	6.5	5	5.8	Năm phẩy Tám	
29	1813719214	Huỳnh Thanh Ry	N18DLK1	8	5	7	7	5	6.0	V	0.0	Không	
30	1812719222	Vô Huyền Tô Tâm	N18DLK1	8	5	6	5	6	5.5	V	0.0	Không	
31	1812719234	Trần Việt Thảo	N18DLK1	7	5	7	5	7	6.0	5	5.5	Năm phẩy Năm	
32	1812719231	Nguyễn Thị Thanh Thảo	N18DLK1	8	6	7	6	7	6.5	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
33	1812719237	Nguyễn Thị Thanh Thê	N18DLK1	7	5	6	6	5	5.5	6	6.0	Sáu	
34	1812719245	Đặng Thị Hoài Thu	N18DLK1	7	6	6	6.5	6.5	6.3	7	6.8	Sáu phẩy Tám	
35	1812719258	Nguyễn Phước Tôn Nữ Thương	N18DLK1	8	6	6	6	6	6.0	4	0.0	Không	
36	1812719250	Lê Thị Như Thùy	N18DLK1	8	5	6	6	5	5.5	V	0.0	Không	
37	1813719261	Đặng Vũ Tiến	N18DLK1	6	0	0	7	7	3.5	0	0.0	Không	Cấm thi
38	1813719263	Trần Tín	N18DLK1	8	7	6	7	6	6.5	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
39	1813719267	Tiêu Phi Toàn	N18DLK1	7	6	7	6	7	6.5	6	6.3	Sáu phẩy Ba	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 26/12/2012

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TRIẾT HỌC & CHÍNH TRỊ

PHI 2161

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 4

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	1812719274	Lê Thị Trâm	N18DLK1	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi	
41	1812719272	Huỳnh Huyền Trâm	N18DLK1	7	5	6	5	6	5.5	6.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
42	1812719268	Nguyễn Thị Thùy Trang	N18DLK1	8	6	7	7	6	6.5	6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
43	1812719302	Cao Thanh Vân	N18DLK1	7	5	7	5	7	6.0	7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
44	1812719303	Trần Thị Kiều Vân	N18DLK1	7	6	7	7	6	6.5	6	6.3	Sáu phẩy Ba		
45	1812719311	Trương Thị Von	N18DLK1	7	7	7	6	6	6.5	5	5.7	Năm phẩy Bảy		
46	1813719314	Phạm Hoàng Vũ	N18DLK1	7	7	6	6	7	6.5	6	6.3	Sáu phẩy Ba		
47	1812719323	Trương Nguyễn Như Ý	N18DLK1	8	7	7	7	7	7.0	5	5.9	Năm phẩy Chín		
48	1813719015	Nguyễn Thiên Ân	N18DLK2	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi	
49	1812719007	Cao Xuân Hoàng Anh	N18DLK2	7	5	5	6	6	5.5	V	0.0	Không		
50	1812719017	Huỳnh Thị Bình	N18DLK2	7	6	6	7	7	6.5	5	5.7	Năm phẩy Bảy		
51	1813719018	Huỳnh Kim Cảnh	N18DLK2	7	7	6	7	6	6.5	6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
52	1813719049	Trần Quang Đạt	N18DLK2	7	6	6	7	8	6.8	6	6.3	Sáu phẩy Ba		
53	1812719028	Bùi Lê Thúy Diễm	N18DLK2	8	5	7	5	7	6.0	5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
54	1812719053	Nguyễn Thị Đông	N18DLK2	7	6	6	6	6	6.0	6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
55	1812719035	Nguyễn Thị Phương Dung	N18DLK2	6	6	0	6	0	3.0	0	0.0	Không	Cấm thi	
56	1812719034	Dương Thị Thùy Dung	N18DLK2	7	5	6	5	6	5.5	6	6.0	Sáu		
57	1813719036	Đỗ Yên Dũng	N18DLK2	7	6	6	6	6	6.0	5.5	5.8	Năm phẩy Tám		
58	1813719045	Hoàng Hải Dương	N18DLK2	8	6	6	6	6	6.0	5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
59	1812719047	Lê Trùng Dương	N18DLK2	7	5	6	5	6	5.5	6	6.0	Sáu		
60	1813719046	Phan Văn Dương	N18DLK2	6	5	5	0	0	2.5	0	0.0	Không	Cấm thi	
61	1813719040	Nguyễn Ngọc Duy	N18DLK2	7	5	6	6	5	5.5	V	0.0	Không		
62	1812719087	Nguyễn Thị Hạ Hoài	N18DLK2	8	6	7	6	7	6.5	7	7.0	Bảy		
63	1812719093	Nguyễn Thị Kim Hồng	N18DLK2	8	7	6	6	7	6.5	5	5.8	Năm phẩy Tám		
64	1813719099	Trần Đức Hưng	N18DLK2	6	6	6	0	0	3.0	0	0.0	Không	Cấm thi	
65	1813719105	Nguyễn Phú Khánh	N18DLK2	6	0	7	7	0	3.5	0	0.0	Không	Cấm thi	
66	1813719116	Phùng Duy Lâm	N18DLK2	7	6	6	6	6	6.0	5	5.5	Năm phẩy Năm		
67	1812719124	Nguyễn Thảo Linh	N18DLK2	8	5	5	7	6	5.8	7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
68	1813719132	Tô Minh Lợi	N18DLK2	7	7	7	8	7	7.3	5	5.9	Năm phẩy Chín		
69	1812719135	Đoàn Thị Như Mai	N18DLK2	8	7	5	7	5	6.0	5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
70	1812719138	Võ Thùy Bảo My	N18DLK2	7	7	7	7	7	7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
71	1812719142	Lê Thị Trà My	N18DLK2	8	5	6	6	5	5.5	7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
72	1812719145	Nguyễn Vĩnh Nam	N18DLK2	7	5	6	5	6	5.5	6	6.0	Sáu		
73	1812719148	Nguyễn Thị Yến Ngọc	N18DLK2	8	6	6	7	7	6.5	6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
74	1812719150	Phạm Thị Bích Ngọc	N18DLK2	8	6	6	6	6	6.0	5	5.6	Năm phẩy Sáu		
75	1812719167	Trương Nguyễn Yến Nhi	N18DLK2	7	6	6	6	6	6.0	5	5.5	Năm phẩy Năm		
76	1813719171	Nguyễn Thế Nhơn	N18DLK2	8	5	7	7	5	6.0	5	5.6	Năm phẩy Sáu		
77	1812719197	Lê Ngọc Trâm Phương	N18DLK2	6	4	4	0	0	2.0	0	0.0	Không	Cấm thi	
78	1812719206	Phan Thị Bảo Quyên	N18DLK2	7	6	7	6	7	6.5	6	6.3	Sáu phẩy Ba		
79	1812719210	Trần Thị Quỳnh	N18DLK2	7	7	7	6	7	6.8	5	5.7	Năm phẩy Bảy		
80	1812719219	Trần Thị Tâm	N18DLK2	7	6	7	6	7	6.5	5	5.7	Năm phẩy Bảy		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 26/12/2012

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TRIẾT HỌC & CHÍNH TRỊ

PHI 2161

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 4

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
81	1812719228	Phùng Thị Thiên	Thanh	N18DLK2	8	5	6	5	6	5.5	6	6.1	Sáu phẩy Một	
82	1813719239	Lê Xuân	Thiện	N18DLK2	8	7	7	7	7	7.0	5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
83	1812719257	Nguyễn Diệu Anh	Thư	N18DLK2	7	5	5	6	6	5.5	6	6.0	Sáu	
84	1812719249	Nguyễn Thị Thu	Thùy	N18DLK2	7	5	6	5	6	5.5	5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
85	1812719271	Tôn Nguyễn Huyền	Trâm	N18DLK2	7	6	7	6	7	6.5	5	5.7	Năm phẩy Bảy	
86	1812719269	Nguyễn Võ Hoàng	Trang	N18DLK2	8	5	7	5	7	6.0	5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
87	1813719287	Phạm Ngọc	Trung	N18DLK2	7	5	6	5	6	5.5	6	6.0	Sáu	
88	1812719297	Lâm Thảo	Uyên	N18DLK2	7	6.5	6	6.5	6	6.3	6	6.2	Sáu phẩy Hai	
89	1813719308	Trần Việt	Viễn	N18DLK2	6	0	0	8	7	3.8	0	0.0	Không	Cấm thi
90	1813719318	Trần Việt	Vương	N18DLK2	7	6	6	6	6	6.0	6	6.1	Sáu phẩy Một	
91	1812719014	Lê Thị Ngọc	Ánh	N18DLK3	8	6.5	6.5	7	7	6.8	5	5.8	Năm phẩy Tám	
92	1812719012	Hồ Thị Ngọc	Ánh	N18DLK3	7	4	7	4	7	5.5	V	0.0	Không	
93	1812719020	Nguyễn Thị Minh	Châu	N18DLK3	7	5	6.5	6.5	5	5.8	3	0.0	Không	
94	1812719031	Nguyễn Thị Thanh	Dung	N18DLK3	8	6	5	6	5	5.5	2.5	0.0	Không	
95	1812719062	Trần Thị Thu	Hà	N18DLK3	8	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	2	0.0	Không	
96	1812719073	Lê Thị Diệu	Hiền	N18DLK3	8	6	5	6	5	5.5	2	0.0	Không	
97	1812719086	Nguyễn Thị Thương	Hoài	N18DLK3	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
98	1813719090	Đoàn Văn	Hoàng	N18DLK3	8	6	6	5	5	5.5	3	0.0	Không	
99	1813719110	Nguyễn Đức	Khôi	N18DLK3	8	6	6	6.5	6.5	6.3	2	0.0	Không	
100	1812719111	Lê Nguyên Trà	Khúc	N18DLK3	7	5	6.5	5	6.5	5.8	2	0.0	Không	
101	1812719113	Trần Thị	La	N18DLK3	8	5	5	7	6	5.8	5	5.5	Năm phẩy Năm	
102	1812719115	Võ Thị Tương	Lai	N18DLK3	8	7	7	7	7	7.0	V	0.0	Không	
103	1812719125	Mai Nguyễn Quỳnh	Loan	N18DLK3	7	6	7.5	6	7.5	6.8	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
104	1813719131	Trần Thanh	Lợi	N18DLK3	6	6	4	6	4	5.0	2	0.0	Không	
105	1812719139	Trần Thảo	My	N18DLK3	8	7	7	7	8	7.3	7	7.2	Bảy phẩy Hai	
106	1812719149	Nguyễn Xuân Phương	Ngọc	N18DLK3	8	7	7	7.5	7.5	7.3	5	6.0	Sáu	
107	1812719152	Lê Kim Hạnh	Nguyên	N18DLK3	8	7	5	7	5	6.0	2.5	0.0	Không	
108	1812719166	Đoàn Trần Ý	Nhi	N18DLK3	8	6.5	7.5	7.5	6.5	7.0	6	6.5	Sáu phẩy Năm	
109	1812719172	Nguyễn Thị Huyền	Nhung	N18DLK3	8	5	5	5	5	5.0	6	5.9	Năm phẩy Chín	
110	1812719177	Lê Thị Kiều	Oanh	N18DLK3	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
111	1812719180	Nguyễn Thị Mai	Phi	N18DLK3	7	6.5	6.5	7.5	7.5	7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
112	1812719184	Thái Hồng	Phúc	N18DLK3	8	7	7	7.5	7.5	7.3	5	6.0	Sáu	
113	1813719186	Lê Hồng	Phúc	N18DLK3	8	7	7	7	7	7.0	6	6.5	Sáu phẩy Năm	
114	1813719185	Phạm Đắc Hoàng	Phúc	N18DLK3	7	6.5	7.5	6.5	7.5	7.0	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
115	1813719191	Nguyễn Chánh	Phước	N18DLK3	8	6	7.5	6	7.5	6.8	5	5.8	Năm phẩy Tám	
116	1812719196	Phan Hồng	Phương	N18DLK3	8	7	6.5	7	6.5	6.8	5	5.8	Năm phẩy Tám	
117	1813719202	Lê Trung	Quốc	N18DLK3	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
118	1812719205	Nguyễn Thị Hoàng	Quyên	N18DLK3	8	6	6	6.5	6.5	6.3	2	0.0	Không	
119	1813219575	Phạm Ngọc	Sơn	N18DLK3	8	5.5	5	5	5.5	5.3	2	0.0	Không	
120	1813719218	Võ Chí	Tâm	N18DLK3	8	6	4	6	4	5.0	5	5.3	Năm phẩy Ba	
121	1813719226	Nguyễn Hồng	Thanh	N18DLK3	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 26/12/2012

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TRIẾT HỌC & CHÍNH TRỊ

PHI 2161

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 4

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
122	1813719229	Ngô Trương Duy	Thành	N18DLK3	6	6	4	6	4	5.0	5	5.1	Năm phẩy Một	
123	1812719232	Lê Huỳnh Hiếu	Thảo	N18DLK3	8	7	7.5	7	7.5	7.3	8	7.8	Bảy phẩy Tám	
124	1812719230	Phạm Phương	Thảo	N18DLK3	0	6	7.5	6	7.5	6.8	6	5.6	Năm phẩy Sáu	
125	1813719242	Cao Phan Quốc	Thọ	N18DLK3	8	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
126	1812719252	Võ Thị Ánh	Thủy	N18DLK3	7	6	6	6	6	6.0	3	0.0	Không	
127	1812719253	Bùi Thị Thanh	Thủy	N18DLK3	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
128	1813719266	Mai Đình	Toàn	N18DLK3	8	6	5	5	6.5	5.6	5	5.5	Năm phẩy Năm	
129	1812719275	Phạm Thị	Trâm	N18DLK3	8	5	6	6	5	5.5	5	5.5	Năm phẩy Năm	
130	1812719273	Nguyễn Thị Bích	Trâm	N18DLK3	8	5	6	6	5	5.5	5	5.5	Năm phẩy Năm	
131	1813719288	Nguyễn Nhật	Trường	N18DLK3	7	0	0	7	7	3.5	0	0.0	Không	Cấm thi
132	1813719289	Đỗ Thanh	Tú	N18DLK3	8	6.5	6.5	7.5	7.5	7.0	6	6.5	Sáu phẩy Năm	
133	1813719295	Trần Mai Phước	Tùng	N18DLK3	7	6	6	4	4	5.0	5	5.2	Năm phẩy Hai	
134	1813719307	Huỳnh Văn	Vĩ	N18DLK3	6	4	5	4	5	4.5	0	0.0	Không	Cấm thi
135	1813719309	Cao Xuân	Vinh	N18DLK3	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
136	1813719312	Võ Nguyên	Vũ	N18DLK3	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
137	1812719319	Phan Thủy	Vy	N18DLK3	8	5.5	5.5	6.5	6.5	6.0	5	5.6	Năm phẩy Sáu	
138	1812719324	Nguyễn Thị Kim	Yến	N18DLK3	7	6.5	7.5	6.5	7.5	7.0	5	5.8	Năm phẩy Tám	
139	1813719052	Trần Văn	Định	N18DLK6	7	6	6	6.5	6.5	6.3	V	0.0	Không	
140	1813719130	Huỳnh Bá	Lộc	N18DLK6	7	5	6.5	5	6.5	5.8	V	0.0	Không	
141	1812719008	Nguyễn Thị Tú	Anh	N18DLK4	7	5	5	5	5	5.0	6	5.8	Năm phẩy Tám	
142	1812719013	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	N18DLK4	8	7	6	7	6	6.5	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
143	1813719050	Phạm Văn	Đạt	N18DLK4	8	7	6	7	6	6.5	5	5.8	Năm phẩy Tám	
144	1812719032	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	N18DLK4	8	6	5	5	6	5.5	6	6.1	Sáu phẩy Một	
145	1813719039	Trần Hữu	Duy	N18DLK4	7	6	5	6	5	5.5	V	0.0	Không	
146	1812719044	Lưu Thị Mỹ	Duyên	N18DLK4	8	7	7	7	7	7.0	6	6.5	Sáu phẩy Năm	
147	1812719071	Bùi Thị	Hiên	N18DLK4	8	6	7	7	6	6.5	7	7.0	Bảy	
148	1813719079	Nguyễn Trung	Hiếu	N18DLK4	8	6.5	7	7	6.5	6.8	5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
149	1813719081	Nguyễn Thanh Trung	Hiếu	N18DLK4	6	6.5	6.5	0	0	3.3	0	0.0	Không	Cấm thi
150	1813719082	Nguyễn Trọng	Hiếu	N18DLK4	8	6	7	6	7	6.5	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
151	1812719084	Đào Thị Kim	Hoa	N18DLK4	7	6	0	6	0	3.0	0	0.0	Không	Cấm thi
152	1812719092	Trương Thị Khánh	Hồng	N18DLK4	7	3	7	3	7	5.0	6	5.8	Năm phẩy Tám	
153	1813719098	Nguyễn Lê	Hưng	N18DLK4	7	5	6	5	6	5.5	V	0.0	Không	
154	1813719095	Nguyễn Xuân	Huy	N18DLK4	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
155	1813719106	Đặng Vũ Anh	Khoa	N18DLK4	8	7	5	7	5	6.0	7	6.8	Sáu phẩy Tám	
156	1813719108	Nguyễn Hữu Đăng	Khoa	N18DLK4	6	6	6	0	0	3.0	0	0.0	Không	Cấm thi
157	1813719112	Đào Ngọc	Khuê	N18DLK4	8	6	5	6	5	5.5	6	6.1	Sáu phẩy Một	
158	1812719114	Lưu Mỹ	Lai	N18DLK4	7	6	7	6	7	6.5	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
159	1812719118	Nguyễn Thị Ái	Lâm	N18DLK4	7	5	5	5	5	5.0	6	5.8	Năm phẩy Tám	
160	1812719122	Nguyễn Phạm Hoài	Linh	N18DLK4	8	7	6	6	7	6.5	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
161	1812719121	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	N18DLK4	7	5	6.5	5	6.5	5.8	6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
162	1812719123	Đậu Thị Thùy	Linh	N18DLK4	7	7	7	6.5	6.5	6.8	6	6.3	Sáu phẩy Ba	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 26/12/2012

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TRIẾT HỌC & CHÍNH TRỊ

PHI 2161

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 4

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
163	1812719126	Phan Bạch Hồng	Loan	N18DLK4	8	5	5	6.5	6.5	5.8	6	6.1	Sáu phẩy Một	
164	1813719136	Tôn Thắt	Mãi	N18DLK4	8	6	6.5	6	6.5	6.3	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
165	1812719141	Trần Hải	My	N18DLK4	7	5	5	6.5	6.5	5.8	6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
166	1812719140	Dương Nhật	My	N18DLK4	6	5	5	0	0	2.5	0	0.0	Không	Cấm thi
167	1812719146	Nguyễn Thị Thúy	Nga	N18DLK4	7	5	7	7	5	6.0	6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
168	1812719151	Nguyễn Thị Tổ	Nguyễn	N18DLK4	8	3	6.5	3	6.5	4.8	0	0.0	Không	Cấm thi
169	1812719157	Lê Võ My Thanh	Nhàn	N18DLK4	8	6	6	6.5	6.5	6.3	5	5.7	Năm phẩy Bảy	
170	1813719159	Trương Thành	Nhân	N18DLK4	8	6	5	6	5	5.5	5	5.5	Năm phẩy Năm	
171	1813719158	Nguyễn Trọng	Nhân	N18DLK4	7	5	6.5	5	6.5	5.8	5	5.4	Năm phẩy Bốn	
172	1813719163	Lê Quang	Nhật	N18DLK4	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
173	1812719170	Trần Phương Quỳnh	Nhi	N18DLK4	8	6	6	6	6	6.0	5	5.6	Năm phẩy Sáu	
174	1812719169	Trương Thị Thúy	Nhi	N18DLK4	7	5	5	5	5	5.0	5	5.2	Năm phẩy Hai	
175	1813719179	Trịnh Thành	Phát	N18DLK4	8	6	7	7	6	6.5	5	5.8	Năm phẩy Tám	
176	1813719181	Hà Ngọc Huy	Phong	N18DLK4	8	0	0	6.5	6.5	3.3	0	0.0	Không	Cấm thi
177	1813719182	Nguyễn Chí	Phong	N18DLK4	7	6	6.5	6	6.5	6.3	6	6.2	Sáu phẩy Hai	
178	1812719183	Nguyễn Ngọc Nguyên	Phú	N18DLK4	8	7	5	7	5	6.0	5	5.6	Năm phẩy Sáu	
179	1812719198	Huỳnh Thị Bích	Phượng	N18DLK4	8.5	7	7	7	7	7.0	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
180	1812719199	Trương Thị Ngọc	Phượng	N18DLK4	7	5	5	5	5	5.0	6	5.8	Năm phẩy Tám	
181	1812719203	Nguyễn Thị Thu	Quý	N18DLK4	8	7	6.5	6.5	7	6.8	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
182	1812719209	Phạm Đoan Khánh	Quỳnh	N18DLK4	8	7	6.5	7	6.5	6.8	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
183	1813719216	Nguyễn Thanh	Son	N18DLK4	8	6	6	6.5	6.5	6.3	5	5.7	Năm phẩy Bảy	
184	1813719225	Phạm Ngọc Bảo	Tân	N18DLK4	8	6	6	6	6	6.0	5	5.6	Năm phẩy Sáu	
185	1813719236	Nguyễn Văn Hoàng	Thắng	N18DLK4	8	0	0	6	6	3.0	0	0.0	Không	Cấm thi
186	1812719227	Nguyễn Lan	Thanh	N18DLK4	8	4	4	6.5	6.5	5.3	5	5.4	Năm phẩy Bốn	
187	1812719233	Trần Dương Việt	Thảo	N18DLK4	8	7	7	6.5	6.5	6.8	5	5.8	Năm phẩy Tám	
188	1813719241	Trần Bửu	Thịnh	N18DLK4	7	5	6	5	6	5.5	V	0.0	Không	
189	1813719243	Nguyễn Ngọc	Thông	N18DLK4	8	6	5	6	5	5.5	5	5.5	Năm phẩy Năm	
190	1812719256	Phạm Thị Minh	Thúy	N18DLK4	8	4	4	6.5	6.5	5.3	5	5.4	Năm phẩy Bốn	
191	1812719259	Trần Thủy	Tiên	N18DLK4	6	0	0	6.5	6.5	3.3	0	0.0	Không	Cấm thi
192	1812719260	Võ Thị Hà	Tiên	N18DLK4	8	6	5	5	6	5.5	5	5.5	Năm phẩy Năm	
193	1813719262	Nguyễn Đăng Trung	Tín	N18DLK4	7	5	5	0	0	2.5	0	0.0	Không	Cấm thi
194	1812719277	Thân Trọng Nam	Trân	N18DLK4	6	0	0	7	7	3.5	0	0.0	Không	Cấm thi
195	1813719293	Phan Sỹ	Tùng	N18DLK4	7	5	6.5	5	6.5	5.8	5	5.4	Năm phẩy Bốn	
196	1813719313	Dương Lê Tuấn	Vũ	N18DLK4	8	6.5	6.5	6.5	6.5	6.5	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
197	1813719322	Nguyễn Phú	Vỹ	N18DLK6	7	5	6.5	5	6.5	5.8	V	0.0	Không	
198	1813719003	Lê Thành	An	N18DLK5	7	6	6	6	6	6.0	7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
199	1813719002	Nguyễn Đình	An	N18DLK5	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
200	1813719001	Bùi Quý	An	N18DLK5	7	5	6	6	5	5.5	7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
201	1812719006	Ngô Thị Quỳnh	Anh	N18DLK5	0	6	6	6	6	6.0	7	6.0	Sáu	
202	1813719011	Đào Duy	Anh	N18DLK5	6	4	6	4	6	5.0	6	5.7	Năm phẩy Bảy	
203	1813719021	Nguyễn Hữu	Châu	N18DLK5	6	0	6	6	0	3.0	0	0.0	Không	Cấm thi

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 26/12/2012

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

TRIẾT HỌC & CHÍNH TRỊ

PHI 2161

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 4

Học kì: 1

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
204	1812719023	Võ Quế	Chi	N18DLK5	5	2	2	0	0	1.0	0	0.0	Không	Cấm thi
205	1813719025	Lê Văn	Chiến	N18DLK5	6	0	0	7	7	3.5	0	0.0	Không	Cấm thi
206	1813719027	Bảo Hoàng	Chương	N18DLK5	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
207	1813719051	Lê Đình	Đầu	N18DLK5	8	6	7	6	7	6.5	7	7.0	Bảy	
208	1813719029	Vô Văn	Diệp	N18DLK5	6	5	0	5	0	2.5	0	0.0	Không	Cấm thi
209	1813719030	Dương Minh	Diệu	N18DLK5	6	5	0	0	5	2.5	0	0.0	Không	Cấm thi
210	1813719060	Nguyễn Ngọc	Giang	N18DLK5	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
211	1812719063	Huỳnh Thị Kim	Hà	N18DLK5	8	5	5	8	7	6.3	7	6.9	Sáu phẩy Chín	
212	1813719070	Đinh Văn	Hậu	N18DLK5	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
213	1813719075	Trương Thanh	Hiền	N18DLK5	5	2	0	2	0	1.0	0	0.0	Không	Cấm thi
214	1813719626	Nguyễn Đình	Hiệp	N18DLK5	7	5	6	6	5	5.5	7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
215	1813719078	Trương Hoàng	Hiếu	N18DLK5	6	0	0	7	6	3.3	0	0.0	Không	Cấm thi
216	1813719089	Trần Thiên	Hoàng	N18DLK5	7	5	6	6	5	5.5	5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
217	1813719097	Phạm Lê Duy	Hung	N18DLK5	7	5	6	5	6	5.5	6	6.0	Sáu	
218	1812719100	Trần Thị Minh	Hương	N18DLK5	5	2	0	2	0	1.0	0	0.0	Không	Cấm thi
219	1813719104	Phan Thanh	Khải	N18DLK5	6	5	5	0	0	2.5	0	0.0	Không	Cấm thi
220	1812719117	Nguyễn Thị	Lan	N18DLK5	8	6.5	7	7	6.5	6.8	6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
221	1812719120	Trần Huỳnh Kim	Linh	N18DLK5	7	5	7	5	7	6.0	V	0.0	Không	
222	1813719128	Nguyễn Hoàng	Long	N18DLK5	6	0	0	5	5	2.5	0	0.0	Không	Cấm thi
223	1813719143	Ngô Tuấn	Mỹ	N18DLK5	6	6	0	6	0	3.0	0	0.0	Không	Cấm thi
224	1813719154	Trương Văn	Nguyên	N18DLK5	0	0	0	0	0	0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
225	1813719153	Vũ Hoàng	Nguyên	N18DLK5	7	5	6	5	6	5.5	5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
226	1812719156	Hoàng Thị	Nguyệt	N18DLK5	8	7	7	7	6	6.8	5	5.8	Năm phẩy Tám	
227	1813719164	Nguyễn Quang	Nhật	N18DLK5	7	2	7	8	2	4.8	0	0.0	Không	Cấm thi
228	1813719161	Mai Xuân	Nhật	N18DLK5	7	5	5	8	7	6.3	V	0.0	Không	
229	1813719175	Đỗ Văn	Nhật	N18DLK5	7	6	6	7	6	6.3	5	5.6	Năm phẩy Sáu	
230	1813719189	Trần Phi	Phụng	N18DLK5	6	5	5	0	0	2.5	0	0.0	Không	Cấm thi
231	1812719244	Đỗ Nguyễn Hoài	Thu	N18DLK5	7	5	6	5	6	5.5	5	5.4	Năm phẩy Bốn	
232	1812719251	Đào Trần Phương	Thùy	N18DLK5	7	2.5	6.5	6.5	2.5	4.5	0	0.0	Không	Cấm thi
233	1812719255	Nguyễn Thị Thu	Thủy(05/1	N18DLK5	7	7	6.5	7	6.5	6.8	6	6.3	Sáu phẩy Ba	
234	1812719254	Nguyễn Thị Thu	Thủy(05/3	N18DLK5	7	0	6.5	0	6.5	3.3	0	0.0	Không	Cấm thi
235	1813719264	Nguyễn Thành	Tín	N18DLK5	0	6	7.5	6	7.5	6.8	7	6.2	Sáu phẩy Hai	
236	1813119457	Nguyễn Văn	Tịnh	N18DLK5	8	6.5	6.5	5	5	5.8	7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
237	1813719278	Huỳnh Ngọc	Trí	N18DLK5	6	0	6.5	6.5	0	3.3	0	0.0	Không	Cấm thi
238	1813719280	Lý Thế	Triều	N18DLK5	7	5	6	6	5	5.5	5	5.4	Năm phẩy Bốn	
239	1813719284	Lê Công	Trình	N18DLK5	6	0	5	5	0	2.5	0	0.0	Không	Cấm thi
240	1813719285	Tạ Thanh	Trung	N18DLK5	7	0	5	5	0	2.5	0	0.0	Không	Cấm thi
241	1813719286	Nguyễn Thành	Trung	N18DLK5	7	5	6	6	5	5.5	7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
242	1813719290	Nguyễn Ngọc	Tú	N18DLK5	7	4	6	4	6	5.0	5.5	5.5	Năm phẩy Năm	
243	1813719292	Phan Thành	Tuấn	N18DLK5	7	6	0	6	0	3.0	0	0.0	Không	Cấm thi
244	1813719291	Trần Anh	Tuấn	N18DLK5	7	4	0	4	0	2.0	0	0.0	Không	Cấm thi

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
245	1813719294	Đặng Lê Thanh	Tùng	N18DLK5	7	2	7.5	7.5	2	4.8	0	0.0	Không	Cấm thi
246	1812719298	Phạm Thị Thảo	Uyên	N18DLK5	7	6	6	0	0	3.0	0	0.0	Không	Cấm thi
247	1812719299	Hồ Lê Thị Thảo	Uyên	N18DLK5	7	5	6	5	6	5.5	5	5.4	Năm phẩy Bốn	
248	1813719310	Nguyễn Hữu	Vinh	N18DLK5	7	5	5	6	6	5.5	7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
249	1813719315	Trần Vương	Vũ	N18DLK5	7	5	5	5	5	5.0	V	0.0	Không	
250	1812719320	Nguyễn Thị Kiều	Vy	N18DLK5	8	7	7	6	6	6.5	V	0.0	Không	
251	1812719321	Trần Thị Hiền	Vy	N18DLK5	7	5	6	6	5	5.5	5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
252	1812719325	Huỳnh Thị Phương	Yến	N18DLK5	7	5	6	5	6	5.5	V	0.0	Không	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	152	60%	
2	Số sinh viên nợ	100	40%	
TỔNG CỘNG :		252	100%	

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2013

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú